

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 7 - 2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phước Thị Kim Huê

2. Bà Ngô Thị Oanh Kiều

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Kim Thị Bô Na, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 126/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” To Quyết định đưa vụ án ra xét xử 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp Đ, xã TS, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Kim T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp Đ, xã TS, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

To đơn khởi kiện ngày 08/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Vào năm 2011 do quen biết trước và qua thời gian tìm hiểu nên chị và anh T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân trước sự đồng ý và cho phép tổ chức đám cưới của hai bên gia đình, và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ vào ngày 09/7/2015, sau khi cưới vợ chồng về sống chung cha mẹ chồng, quá trình chung sống vợ chồng rất hạnh phúc luôn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và có chung hai người con tên Kim B; sinh ngày 04/4/2016 và Kim Gia M; sinh ngày 14/02/2020, đến tháng 4/2022 thì vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau và do anh T thường xuyên uống rượu, ghen tuông vô cớ xúc phạm đến danh dự chị nên từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn càng trầm trọng nên chị trở về cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, hai bên có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không kết quả và sau thời gian ly thân chị nhận thấy không còn tình cảm với anh T nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị yêu cầu về quan hệ hôn nhân xin được ly hôn với anh Kim T; Về con chung: Kim B; sinh ngày 04/4/2016 và Kim Gia M; sinh ngày 14/02/2020 chị yêu cầu được nuôi con, tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ những vắng mặt không lý do mặc dù đã được mẹ ruột là bà Kim Thị S thông báo cho biết nhưng anh vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã vắng mặt trong quá trình tố tụng là vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và kết quả xác minh, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L; Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Kim T, về con chung: Cháu Kim B; sinh ngày 04/4/2016 và Kim Gia M; sinh ngày 14/02/2020 giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu nên không xem xét, về tài sản chung chị L khai không có, không yêu cầu nên không xem xét, về nợ chung không có, không xem xét, về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, buộc chị L phải chịu To quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] To đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Kim T và anh chị có hai người con chung dưới 18 tuổi nên đây là vụ kiện “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” To quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Kim T có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, căn cứ khoản 1 Điều

35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Hiện tại anh Kim T không có mặt tại địa phương do đi làm ăn xa nhưng các giấy tờ tố tụng Tòa án gửi cho anh T đều được mẹ ruột anh T là bà Kim Thị S; sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp Đ, xã TS, huyện C, tỉnh Trà Vinh nhận thay và bà S cam kết sẽ thông báo cho anh T biết để đến Tòa án đúng ngày giờ quy định. Tuy nhiên anh T vẫn không có mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị L và tại phiên tòa hôm nay chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh T.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Kim T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ ngày 09/7/2015 theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp. Theo chị L trình bày sau khi kết hôn, thì chị nhập hộ khẩu về sống chung bên chồng, thời gian đầu vợ chồng sống chung rất hạnh phúc đến tháng 4/2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau và do anh T thường xuyên uống rượu, ghen tuông vô cớ xúc phạm đến danh dự chị nên từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn càng trầm trọng nên chị trở về cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, hai bên có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không kết quả và sau thời gian ly thân chị L nhận thấy không còn tình cảm với anh T nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử, xét thấy trong thời gian thụ lý giải quyết vụ án, qua nhiều lần Tòa án mời chị L đến để tác động cho chị L suy nghĩ lại về mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh T nhưng chị vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị L và anh T khó có thể hàn gắn lại được do anh T không có thiện chí để hòa giải, mặc dù đã được mẹ ruột là bà Kim Thị S thông báo cho biết là chị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn và nuôi con được Tòa án gửi giấy mời nhưng anh T vẫn không về, chứng tỏ anh T không muốn hàn gắn lại với chị L. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của chị L và kết quả xác minh bà Kim Thị S là mẹ ruột của anh T có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị L yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị L và anh Kim T có hai người con chung tên Kim B; sinh ngày 04/4/2016 và Kim Gia M; sinh ngày 14/02/2020 chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi hai con, quá trình giải quyết vụ án anh T vắng mặt nên không có ý kiến gì về việc yêu cầu được nuôi con của chị L, tuy nhiên To quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện nuôi dưỡng con, xét thấy chị L hiện là công nhân của Công ty DongIL có thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con, mặc khác từ khi cháu Kim

B và cháu Gia Minh sinh ra cho đến nay đều do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời cháu Kim B có nguyện vọng được sống chung với chị L. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L giao cháu Kim B và Kim Gia M cho chị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị L tự nguyện không có yêu cầu bên không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận, không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định.

[7] Quan điểm của Vị Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và các Điều 238, 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Kim T.

2. Về con chung: Giao cháu Kim B; sinh ngày 04/4/2016 và Kim Gia M; sinh ngày 14/02/2020 cho chị Nguyễn Thị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (phù hợp theo nguyện vọng của cháu Bảo), về cấp dưỡng nuôi con, chị L tự nguyện không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh Kim T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, đồng thời anh Kim T cũng phải có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với chị L. Vì quyền lợi về mọi mặt của con, sau khi ly hôn chị L hoặc anh T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình bằng 300.000 đồng, buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu, căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị L đã nộp To biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015244, ngày 21/04/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thì chị L đã nộp đủ tiền án phí, không phải nộp thêm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L và anh Kim T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết To quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án To thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành To quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án To quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện To quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã TS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Thanh